TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ- ST

Ngày 26/04/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Ông Từ Tứ Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 26 tháng 04 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2019 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kim T,** sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 18, ấp T H B, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn **: Anh Phan Văn N**, sinh năm 1972 (vắng mặt không lý do)
Địa chỉ: tổ 18, ấp T H B, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: tôi và anh Phan Văn N chung sống với nhau vào ngày 19 tháng 10 năm 1991 có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 12 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N không quan tâm đến vợ con, tôi có khuyên anh N nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi. Nay tôi xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng đến nay đã đổ vỡ không thể hàn gắn được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Phan Thị Hồng D, sinh ngày 15/11/1992

2/ Phan Hồng T, sinh ngày 25/05/2001. Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống với chồng tôi.

- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Phan Văn N.

Về quan hệ con chung: Do cháu Phan Thị Hồng D đã trưởng thành, tôi xin nhận nuôi cháu Phan Hồng T, sinh ngày 25/05/2001, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn anh Phan Văn N trình bày**: Tòa án đã tống đạt các văn bản cho anh Phan Văn N theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh N vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Phan Văn N với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Phan Văn N, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Phan Văn N là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì chị T và anh N chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được

đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì chị T, anh N chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là vợ chồng là có cơ sở.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị T xin được nhận nuôi cháu Phan Hồng T, sinh ngày 25/05/2001, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Phan Hồng T, sinh ngày 25/05/2001 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do cháu Phan Hồng T hiện nay 17 tuổi và nguyện vọng của cháu T là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với mẹ. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung**: do chị T và anh N không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] **Về án phí Hôn nhân sơ thẩm**: Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005385 ngày 04/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Phan Văn N là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Do cháu Phan Thị Hồng D đã trưởng thành. Giao cháu Phan Hồng T, sinh ngày 25/05/2001 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim T nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005385 ngày 04/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Kim T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Phan Văn N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Nhật